

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HS-ST

Ngày 15-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HS ngày 4 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1997; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 22 tháng 7 năm 2019 cho đến nay, “có mặt”.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1996 nơi sinh và nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 6 năm 2019 cho đến nay, “có mặt”

-Bị hại:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, “vắng mặt”.

Ông Trương Văn H, sinh năm 1963, “vắng mặt”.

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh Đỗ Viết V, sinh năm 1977, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Khả T, sinh năm 1994, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Xóm B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1990, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Anh Hoàng Ngọc K, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 12/2018 đến ngày 23/5/2019 trên địa bàn xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Thành Đ đã rủ Nguyễn Văn T cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng giữa tháng 12 năm 2018, Nguyễn Văn T một mình đi bộ từ nhà đến nhà Nguyễn Thành Đ để chơi, nói chuyện cùng Đ. T ngồi chơi tại phòng riêng của Đ khoảng từ khoảng 21h00 đến 1h00’ sáng thì Đ rủ T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó, Đ lấy chiếc xe mô tô Honda Wave màu cam, gắn BKS: 88G1-300.58 của Đ điều khiển chở T đi vòng quanh khu vực xã Đ để quan sát xem nhà ai sở hữu thì trộm cắp. Khi Đ chở T đi đến đường Quốc lộ 2A thuộc thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì thấy lán sản xuất bàn ghế đá của gia đình anh Đỗ Viết V ở ngay rìa đường nên Đ đỗ xe ở rìa đường Quốc lộ 2A gần lán của anh V rồi nói với T: “Vào nhà này xem có gì không”. T xuống xe đi bộ đến lán của anh V và quan sát thấy bên trong lán không có người, cửa lán đóng nhưng không khóa mà chỉ móc khóa ở chốt cửa nên T vẩy tay ra hiệu cho Đ đi đến chỗ T đứng rồi T mở cửa đi vào bên trong lán, Đ đi theo sau và cả hai thấy trong lán của anh V có: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ARENA màu nâu BKS: 88H9-1444 vẫn cắm chìa khóa ở xe, đồng thời phát hiện thấy trong gầm giường có 01 chiếc máy khoan bê tông nhãn hiệu BOSCH có ký hiệu GBH2-26RE, 02 máy cắt sắt cầm tay (01 chiếc nhãn hiệu MAKITA có ký hiệu 9553NB, 01 chiếc nhãn hiệu BOSCH có ký hiệu 0601375060) và 01 chiếc máy khoan bắn vít nhãn hiệu BOSCH có ký hiệu GBM 10RE. Lúc này, T dắt chiếc xe mô tô từ trong lán ra dựng ở vị trí gần xe của Đ. Sau đó quay lại lán cùng Đ đem 02 máy cắt sắt, 01

chiếc máy khoan bê tông, 01 chiếc máy khoan bắn vít ra để lên xe mô tô của Đ. Đ điều khiển xe mô tô của mình đi về nhà Đ. Còn T điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi theo sau về nhà Đ cất giấu toàn bộ tài sản trộm cắp được. Khoảng 02 ngày sau, Đ gọi điện thoại cho anh Đỗ Văn S nói dối với S là cho bạn của Đ cầm cố chiếc xe ARENA của người nhà, xe bị mất giấy tờ. S tin Đ nói đã đồng ý cho cầm cố chiếc xe với số tiền 850.000 đồng. Sau đó Đ bảo T mang chiếc xe trộm cắp được của anh V đến đưa cho S và nhận 850.000 đồng về cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Các tài sản còn lại Đ và T vẫn cất giấu tại nhà. Toàn bộ tài sản cất giấu tại nhà Đ, gia đình Đ không ai biết là tài sản Đ trộm cắp. Ngày 04/6/2019, cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Xuyên tiến hành khám xét tại nơi ở của Nguyễn Thành Đ đã tạm giữ: 01 máy khoan bê tông cầm tay nhãn hiệu Makita Bosch vỏ màu xanh đen, ký hiệu GBH2-26DRE; 01 máy khoan bắn vít loại nhỏ nhãn hiệu BOSCH ký hiệu GMB10RE vỏ nhựa màu xanh đen; 01 máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu MAKITA vỏ nhựa màu xanh đen; 01 máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu BOSCH vỏ nhựa màu đen. Tất cả các tài sản tạm giữ đều đã qua sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88H9-1444, Đ và T đem cầm cố cho Đỗ Văn S, nhưng quá trình điều tra và đến nay S không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 07/8/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên có yêu cầu định giá số 104, đề nghị Hội đồng định giá huyện Bình Xuyên định giá các tài sản mà Đ và T trộm cắp nhà anh V. Ngày 20/8/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có kết luận số 73, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ARENA BKS: 88H9-1444, màu sơn nâu đã qua sử dụng trị giá 600.000 đồng ; 01 chiếc máy khoan bê tông nhãn hiệu BOSCH, ký hiệu GBH2-26DRE màu xanh đen trị giá 400.000 đồng; 01 chiếc máy khoan bắn vít nhãn hiệu BOSCH màu xanh đen, ký hiệu GBU10RE trị giá 400.000 đồng; 01 chiếc máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu MAKITA màu xanh đen trị giá 350.000 đồng; 01 máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu BOSCH màu đen trị giá 350.000 đồng. Tổng trị giá số tài sản Đ và T đã trộm cắp của gia đình anh V là: 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 03/9/2019, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại cho anh Đỗ Viết V: 01 máy khoan bê tông nhãn hiệu BOSCH, vỏ nhựa màu xanh - đen, trên thân máy có ký hiệu GBH 2-26 DRE; 01 máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu MAKITA, vỏ nhựa màu xanh - đen, trên thân máy có ký hiệu 9553NB; 01 máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu BOSCH, vỏ nhựa màu xanh, trên thân máy có ký hiệu 0 601 375 060; 01 chiếc máy khoan bắn vít nhãn hiệu BOSCH, vỏ nhựa màu xanh - đen, trên thân máy có ký hiệu GBM 10 RE. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu ARENA màu nâu BKS: 88H9-1444 không thu giữ được, anh V thấy chiếc xe đã cũ, giá trị không lớn, nên không yêu cầu Đ và T phải bồi thường.

Đôi với số tiền 850.000 đồng anh Đỗ Văn S đưa cho Đ và T để cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 88H9-1444. Hiện anh S không có mặt ở địa phương để yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 22/5/2019, Nguyễn Thành Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T để rủ T sang nhà Đ chơi. T đồng ý rồi một mình đi bộ đến nhà Đ. Tại đây, Đ rủ T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý, đến khoảng 01h00 ngày 23/5/2019, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam gắn BKS: 88G1-300.58 của Đ chở T đi tìm xem có nhà ai sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực vòng xuyên khu công nghiệp Bình Xuyên thuộc thôn V, xã Đ, huyện B, cả hai phát hiện ngôi nhà đang xây dựng của gia đình chị Nguyễn Thị H thì Đ điều khiển xe mô tô dừng ở trước cửa quán cơm nhà ông Trương Văn H cạnh nhà chị H rồi Đ và T đi theo cầu thang ngoài trời của quán nhà ông H và trèo lên lan can ban công tầng 2 nhà chị H. T thấy cửa ban công tầng 2 nhà chị H không khóa, nên T liền mở cửa và cùng Đ đi vào trong nhà. Cả hai dùng đèn điện thoại di động của mình mang theo để soi tìm kiếm tài sản ở các phòng tại tầng 2 và tầng 3 nhưng không thấy tài sản gì có giá trị để trộm cắp nên Đ và T tiếp tục đi xuống tầng 1 để tìm tài sản, khi xuống tầng 1 thấy gần cửa cuốn ra vào tầng 1 có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda - Air Blade, màu sơn vàng đen, BKS: 88G1-102.04 và 01 chiếc xe đạp của gia đình chị H đang dựng ở đó, trên giỏ xe đạp có để 01 chiếc ba lô học sinh của cháu Hoàng Thế A là con trai của chị H. T liền lục bên trong ba lô lấy được 01 chiếc chìa khóa điện điều khiển cửa cuốn nhà chị H, cùng lúc này Đ cũng phát hiện hộc để đồ bên trái chiếc xe mô tô BKS: 88G1-102.04 có 01 chùm chìa khóa trong đó có 01 chiếc chìa khóa điện của xe mô tô. Đ cắm chiếc chìa khóa vào ổ khóa điện xe mô tô, sau đó cầm điều khiển cửa cuốn T đưa cho quay trở ra ngoài theo lối cũ, đứng ở dưới chân cầu thang ngoài trời quán ăn nhà ông H sát với cửa nhà chị H bấm nút điều khiển mở cửa cuốn. Khi cửa cuốn đã mở nâng lên cách mặt đất khoảng 1,5 mét thì T nổ máy điều khiển xe mô tô BKS: 88G1-102.04 đi ra đường Quốc lộ 2A theo hướng đi thành phố P, còn Đ đóng cửa cuốn, cầm theo chìa khóa điều khiển cửa, rồi điều khiển xe mô tô của Đ đi theo T. Trên đường đi, Đ đã vứt bỏ chìa khóa điều khiển cửa cuốn ở bên ven đường. Khi Đ đi đến đoạn đường gần khu vực chợ T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc thì gặp T đang đứng đợi ở đó rồi cùng nhau đi về nhà Đ cất giấu chiếc xe mô tô BKS: 88G1-102.04. Tại đây, Đ và T cùng mở kiểm tra trong cốp xe mô tô của chị H phát hiện trong cốp xe có 01 chiếc mũ bảo hiểm nửa đầu màu đỏ, 01 áo mưa màu xám, 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị H thì T lấy chiếc thẻ ATM cất vào ví của mình còn áo mưa, mũ bảo hiểm, chiếc chìa khóa T và Đ vẫn để trong cốp xe. Ngay lúc này Đ nhớ lại quán nhà ông H có lắp camera và Đ do lo sợ bị camera nhà ông Trương Văn H ghi lại được hình ảnh Đ và T trộm cắp xe mô tô nhà chị H trước đó, nên Đ bảo T đi tháo camera của quán ông H, T đồng ý thì Đ cầm theo 01 chiếc kim điện của mình đưa cho T cầm đi rồi điều khiển xe mô tô của Đ chở T quay trở lại nhà ông H. Khi đến nơi T xuống xe đi đến vị trí lắp 02 mắt

camera ở hai bên góc tường phía trước cửa nhà ông H dùng kim điện cắt đứt dây nguồn, tháo lấy 02 chiếc mắt camera nhãn hiệu DAHUA rồi mang ra gặp Đ chờ T mang 02 chiếc camera về nhà Đ cất giấu, sau đó, Đ và T ngủ tại nhà Đ. Đến khoảng 08 giờ ngày 23/5/2019, sau khi ngủ dậy Đ và T sử dụng 01 cờ lê cỡ 6 có sẵn tại nhà Đ tháo bỏ chiếc biển kiểm soát 88G1-102.04 của xe mô tô trộm cắp của chị H, lắp chiếc biển kiểm soát 29X1- 264.03 (là biển kiểm soát được lắp ở xe mô tô Wave của Đ khi Đ mua nhưng sau đó Đ đã tháo ra để ở nhà) vào xe mô tô của chị H để tránh bị phát hiện. Ngày 26/5/2019 Đ nhờ bạn là anh Hoàng Ngọc K bán hộ chiếc xe mô tô Đ trộm cắp được của gia đình chị H thì anh K hỏi nguồn gốc xe, Đ nói dối là “xe của người nhà, bị mất giấy tờ, cần tiền muốn bán” nên K tin lời Đ nói nhưng do xe không có giấy tờ nên anh K trả lời Đ không bán được, sau đó do anh K có quen biết với anh Nguyễn Khả T nên anh K đưa Đ mang chiếc xe mô tô đến gặp T và giới thiệu Đ là bạn, có chiếc xe của người nhà bị mất giấy tờ cần tiền cho Đ để lại chiếc xe mô tô và cho Đ vay tiền. Anh T tin tưởng nên đã cho Đ vay 6.000.000 đồng và để lại chiếc xe làm tin đồng thời hẹn Đ 01 tháng xuống trả tiền lấy xe về. Sau khi nhận tiền, Đ đưa cho K 500.000 đồng để K đi xe taxi về, số tiền còn lại Đ về chia cho T 2.000.000 đồng, còn 3.500.000 đồng Đ sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Còn lại 01 chiếc mũ bảo hiểm, 01 chiếc áo mưa, 02 chiếc mắt camera, 01 chùm chìa khóa, 01 BKS: 88G1-102.04, Đ và T kiểm tra không thấy có giá trị nên khoảng 2 đến 3 ngày sau đã vứt bỏ nên không thu giữ được. Việc Đ và T cất giấu tài sản trộm cắp ở nhà Đ, gia đình Đ không ai biết.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ: Nguyễn Văn T 01 thẻ ATM ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam mang tên Nguyễn Thị H; 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màu xanh đã cũ, trên màn hình có nhiều vết nứt vỡ số IMEI1: 867751020499166, số IMEI2: 867751020499174.

Tạm giữ của Nguyễn Thành Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số khung: RLHHC1215DY469291, số máy: HC12E5469245, gắn BKS: 88G1-300.58; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng đã cũ, số IMEI: 352003060789557; 01 chiếc kim điện.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung màu đen của Đ sử dụng vào việc trộm cắp nhà chị H, quá trình bỏ trốn Đ đã bán chiếc điện thoại tại một cửa hàng Đ không nhớ địa chỉ với giá 100.000 đồng, nên cơ quan CSĐT- Công an huyện Bình Xuyên không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc cờ lê 6, T và Đ dùng để tháo lắp biển kiểm soát xe mô tô trộm cắp được, là cờ lê của Đ. Hiện Đ đã làm mất nên không thu giữ được.

Ngày 26/7/2019 anh Nguyễn Khả T đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra chiếc xe mô tô Honda - Air Blade, màu sơn vàng - đen, gắn BKS: 29X1-264.03 mà Đ và T đã trộm cắp được của gia đình chị H chiếc xe mô tô có BKS: 88G1-102.04, sau đó để lại cho anh T để làm tin để vay tiền của anh T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên có yêu cầu hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá chiếc xe mô tô Honda - Air Blade BKS: 88G1-102.04 có số máy JF27E1420356; số khung 2702B4497626 mà Đ và T đã trộm cắp của gia đình chị H và định giá 02 chiếc mắt camera Đ và T trộm cắp của gia đình ông H. Ngày 26/6/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có kết luận số 46, kết luận: chiếc xe mô tô BKS: 88G1-102.04 màu sơn vàng – đen mà Đ và T đã trộm cắp của gia đình chị H trị giá 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 15/8/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 71, kết luận: Trị giá 02 mắt camera nhãn hiệu Dahua mà Đ và T đã trộm cắp của gia đình ông H là: 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

Về xử lý tang tài vật và trách nhiệm dân sự

Đối 01 chiếc kim dân dụng (loại kim cắt) là chiếc kim mà Đ và T sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp 02 mắt camera nhà ông Trương Văn H, đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số khung: RLHHC1215DY469291, số máy: HC12E5469245 mà Đ và T sử dụng đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chiếc xe Đ ký đứng tên Nguyễn Đức C-SN 1992 ở thôn P, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Cạn, xe có BKS: 97B1-436.59 anh C sử dụng đến khoảng đầu năm 2016 đã bán lại chiếc xe mô tô cho một người nam giới không rõ địa chỉ ở đâu. Đ mua lại ở Hà Nội của 01 người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ, xe không có Đ ký giấy tờ gì và việc mua bán không viết giấy tờ. Do vậy, xác định chiếc xe là của Đ nên cần tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe: Air Blade, màu sơn: đen - vàng, số khung: 2702BY497626, số máy: JF27E1420356 của gia đình chị H và 01 thẻ ATM ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam mang tên Nguyễn Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động Viettel, Model:V8417A, số IMEI1: 867751020499166, số IMEI2: 867751020499174. Quá trình điều tra xác định là của Nguyễn Văn T đã sử dụng để phạm tội. Do đó cần tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng đã cũ, số IMEI: 352003060789557. Quá trình điều tra xác định của Nguyễn Thành Đ không sử dụng vào việc phạm tội. Do đó cần trả lại cho Nguyễn Thành Đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Đối với 01 ví giả da màu nâu tạm giữ của Nguyễn Văn T không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho Nguyễn Văn T là phù hợp.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng anh T cho Đ cầm cố chiếc xe trộm cắp. Đ và T đã tiêu sài cá nhân hết, đến nay chưa trả lại. Anh T yêu cầu phải bồi thường. Xét thấy cần buộc Đ và T phải liên đới bồi thường, mỗi bị can là 3.000.000 đồng.

Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm, 01 chiếc áo mưa, 01 chùm chìa khóa, 01 chiếc khóa dự phòng xe mô tô, 01 chìa khóa điện cửa cuốn của gia đình chị H và 02 chiếc mắt camera nhãn hiệu Dahua của gia đình ông H sau khi trộm cắp được Đ và T đã vứt bỏ nên không thu giữ được. Chị H và ông H không yêu cầu bồi thường.

Đối với chiếc BKS: 29X1-264.03, Đ và T lắp vào chiếc xe mô tô trộm cắp được của gia đình chị H. Quá trình điều tra xác định được chiếc BKS này được lắp xe mô tô Wave của Đ từ khi Đ mua xe, sau đó Đ đã tháo ra để ở nhà đến khi trộm cắp được xe của gia đình chị H thì Đ và T đã lắp vào. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tra cứu thì chiếc BKS: 29X1-264.03 không phải là biển kiểm soát Đ ký của xe Wave của Đ mua mà là chiếc biển kiểm soát của xe mô tô Đ ký tên Nguyễn Quang H. Chiếc biển kiểm soát anh H bị mất từ trước. Nay anh đề nghị được trả lại, xét thấy cần trả lại cho anh H là phù hợp.

Đối với chiếc biển kiểm soát 88G1-300.58 Đ lắp vào xe Wave của Đ để sử dụng đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra đã làm rõ là biển kiểm soát Đ ký mang tên Lê Văn H. Đ khai nhận nhặt được ngoài đường mang về lắp vào xe nhưng hiện anh H không có mặt ở địa phương nên cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ giải quyết sau.

Ngoài ra, quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên còn làm rõ Đ và T cùng nhau thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản. Giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp được dưới 2.000.000 đồng, nên cơ quan điều tra – Công an huyện Bình Xuyên đã xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 17/4/2019, Đ và T cùng nhau trộm cắp 06 giò hoa phong lan của gia đình nhà ông Trương Văn H - SN: 1963 ở thôn V - xã Đ - huyện B - tỉnh Vĩnh Phúc rồi đem về cất giấu tại nhà Đ. Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá xác định trị giá 06 (sáu) giò hoa lan Đ và T đã trộm cắp của gia đình ông H là: 370.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng cuối tháng 4 năm 2019, Đ và T cùng nhau trộm cắp 01 máy bơm nước nhãn hiệu Bảo Long của nhà chị Lê Thị M - SN: 1978 ở thôn K- xã Đ - huyện Bình Xuyên. Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên đã có Kết luận định giá xác định: trị giá 01 chiếc máy bơm nước dân dụng Đ và T đã trộm cắp của nhà chị M là: 250.000 đồng.

Đối với 02 lần trộm cắp này trị giá tài sản của từng lần dưới 2.000.000 đồng nên ngày 03/9/2019, cơ quan CSĐT- Công an huyện Bình Xuyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 354, 355 đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ về hành vi trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP với tình tiết tăng nặng vi phạm hành

chính nhiều lần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên các bị can thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Trước khi phạm tội Đ và T không có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị can phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên.

Bản cáo trạng số 75/CT- VKSBX ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Khả T số tiền 6.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị hại là chị Nguyễn Thị H, ông Trương Văn H, Đỗ Viết V vắng mặt tại phiên tòa quá trình điều tra chị H, ông H, anh V trình bày bị mất các tài sản như cáo trạng đã nêu và đã nhận tài sản không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khả T và anh Nguyễn Quang H vắng mặt tại phiên tòa quá trình điều tra anh T, anh H trình bày như cáo trạng đã nêu, anh H xin được trả lại chiếc BKS 29X1- 26403, anh T yêu cầu Đ và T bồi thường cho anh 6.000.000 đồng.

Người làm chứng anh Hoàng Ngọc K vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra anh K trình bày như cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau: Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 12/2018 đến ngày 23/5/2019 tại địa bàn xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Thành Đ cùng Nguyễn Văn T cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng giữa tháng 12/2018, Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn T đã lén lút trộm cắp tại lán sản xuất gỗ của anh Đỗ Viết V ở thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc: 01 chiếc máy khoan bê tông nhãn hiệu BOSCH có ký hiệu GBH2-26RE; 01 máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu MAKITA có ký hiệu 9553NB; 01 máy cắt sắt cầm tay nhãn hiệu BOSCH có ký hiệu 0601375060; 01 chiếc máy khoan bắn vít nhãn hiệu BOSCH có ký hiệu GBM 10RE, 01 xe mô tô nhãn hiệu ARENA màu nâu BKS: 88H9-1444, tổng giá trị tài sản là: 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 01h30' ngày 23/5/2019, Đ và T cùng nhau thực hiện việc trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda - Air Blade, màu sơn vàng đen, BKS: 88G1-102.04 trị giá 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) của gia đình chị Nguyễn Thị H và trộm cắp 02 mắt camera nhãn hiệu Dahua trị giá 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) của gia đình ông Trương Văn H.

Tổng trị giá tài sản Đ và T trộm cắp của gia đình chị H, của anh V, ông H là: 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng).

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, song hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với Nguyễn Thành Đ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, với bản tính lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu sài nên chỉ trong một thời gian ngắn đã gây ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã cùng T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị cáo luôn là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, nên phải chịu hình phạt nặng hơn. Xét thấy cần phạt giam bị cáo một thời gian theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục giúp bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với Nguyễn Văn T cũng là người với bản tính lười lao động, nhưng lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên khi được Đ rủ đi trộm cắp thì T luôn hưởng ứng và tích cực tham gia các vụ trộm cắp tài sản cùng Đ. Xét thấy T chưa có tiền án, tiền sự đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có ông nội được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, bà nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã cùng T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần phạt giam bị cáo một thời gian theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục giúp bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về việc bồi thường:

Bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản, không đề nghị gì nên không giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Anh Nguyễn Khả T yêu cầu các bị cáo bồi thường cho anh 6.000.000 đồng. Nên cần buộc Đ và T liên đới bồi thường cho anh T số tiền 6.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng vụ án và các vấn đề khác:

Đối 01 chiếc kim dân dụng (loại kim cắt) là chiếc kim mà Đ và T sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp 02 mắt camera nhà ông Trương Văn H, đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số khung: RLHHC1215DY469291, số máy: HC12E5469245 mà Đ và T sử dụng đi trộm cắp tài sản. Đ mua lại ở Hà Nội của 01 người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ, xe không có Đ ký giấy tờ gì và việc mua bán không viết giấy tờ. Do vậy, xác định chiếc xe là của Đ nên cần tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe: Air Blade, màu sơn: đen - vàng, số khung: 2702BY497626, số máy: JF27E1420356 của gia đình chị H và 01 thẻ ATM ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam mang tên Nguyễn Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động Viettel, Model:V8417A, số IMEI1: 867751020499166, số IMEI2: 867751020499174. Quá trình điều tra xác định là của Nguyễn Văn T đã sử dụng để phạm tội. Do đó cần tịch bán phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng đã cũ, số IMEI: 352003060789557. Quá trình điều tra xác định của Nguyễn Thành Đ không sử dụng vào việc phạm tội. Do đó cần trả lại cho Nguyễn Thành Đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 ví giả da màu nâu tạm giữ của Nguyễn Văn T không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho Nguyễn Văn T là phù hợp.

Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm, 01 chiếc áo mưa, 01 chùm chìa khóa, 01 chiếc khóa dự phòng xe mô tô, 01 chìa khóa điện cửa cuốn của gia đình chị H và 02 chiếc mắt camera nhãn hiệu Dahua của gia đình ông H sau khi trộm cắp được Đ và T đã vứt bỏ nên không thu giữ được. Chị H và ông H không yêu cầu bồi thường.

Đối với chiếc BKS: 29X1-264.03 không phải là biển kiểm soát Đ ký của xe Wave của Đ mua mà là chiếc biển kiểm soát của xe mô tô Đ ký tên Nguyễn Quang H. Chiếc biển kiểm soát anh H bị mất từ trước. Nay anh đề nghị được trả lại, xét thấy cần trả lại cho anh H là phù hợp.

Đối với chiếc biển kiểm soát 88G1-300.58 Đ lắp vào xe Wave của Đ để sử dụng đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra đã làm rõ là biển kiểm soát Đ ký mang tên Lê Văn H ở thôn T, xã T, huyện B, Vĩnh Phúc. Đ khai nhận nhặt được ngoài đường mang về lắp vào xe nhưng hiện anh H không có mặt ở địa phương nên cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ giải quyết sau là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 88H9-1444, Đ và T đem cầm cố cho Đỗ Văn S và số tiền 850.000 đồng Đỗ Văn S đưa cho Đ và T để cầm cố chiếc xe mô tô trên, quá trình điều tra và đến nay S không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe mô tô, anh S không có mặt để yêu cầu giải quyết về số tiền, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Đối với 02 lần trộm cắp tài sản trị giá mỗi lần dưới 2.000.000 đồng nên ngày 03/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 354, 355 đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ là phù hợp.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 22 tháng 7 năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 04 tháng 6 năm 2019.

Về việc bồi thường: Buộc Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Khả T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), mỗi bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu Đ và T không thanh toán khoản tiền trên cho anh T thì Đ và T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất 10%/năm.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng

Tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Viettel của Nguyễn Văn T là công cụ phạm tội.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave của Nguyễn Thành Đ là công cụ, phương tiện phạm tội

Trả lại cho Nguyễn Thành Đ 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng đã cũ, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc kim thân gong có in chữ MEINFA, vỏ bọc màu đỏ đen.

Trả lại cho anh Nguyễn Quang H 01 biên kiểm soát 29X1-264.03.

Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên lập ngày 3 tháng 10 năm 2019.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT- CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thủy